TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2022
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, Nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Danh

2. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Văn Nh** - Sinh năm: 1986 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị A** - Sinh năm: 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Văn N trình bày:*

Anh và chị A tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 26/5/2015 tại UBND xã P. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2018 thì trầm trọng nên đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn

nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thái T, sinh ngày 01/11/2014; Võ Phúc H, sinh ngày 28/02/2018. Hiện cháu T đang sống với anh, cháu Hậu đang sống với chị A, anh yêu cầu nuôi cháu T, đồng ý để chị A tiếp tục nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh xác định không có.

Về nợ chung: anh xác định không có.

* *Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị A không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh N.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh N và chị A có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh N và chị A là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Anh N trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh và chị không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau nên anh và chị A sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị A chưa có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh N. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị A đã có mâu thuẫn, nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau được. Chị A không tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy chị A cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân với anh N. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh N trình bày anh chị có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thái T, sinh ngày 01/11/2014; Võ Phúc H, sinh ngày 28/02/2018. Hiện cháu T đang do anh N trực tiếp nuôi và có nguyện vọng được sống với cha, cháu H đang do chị A trực tiếp nuôi; chị A chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh N, giao cháu H cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị A chưa có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N, chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh N trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Võ Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Võ Nguyễn Thái T, sinh ngày 01/11/2014 cho anh Võ Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Võ Phúc H, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N, chị A chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N, chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh N phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008157 ngày 07/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Anh N đã nộp xong án phí.

Anh N, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm